

Bản án số: 104/2025/HS-ST

Ngày: 26/02/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đình Ty

2. Bà Nguyễn Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát Viên

Ngày 26/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 119/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T – Sinh năm 1995; tại Thanh Hóa; Số căn cước công dân: 038095002381 ;Nơi đăng ký NKTT và nơi ở: Thôn 1 xã Q (nay là xã Đ), thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn P và bà Hoàng Thị T, Vợ, con: chưa; Tiền án: Ngày 17/01/2014, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa xử 30 tháng tù tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 08/10/2015; Ngày 26/05/2017, Tòa án nhân dân Quận C, thành phố Hà Nội xử 2 năm 6 tháng tù tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 10/04/2019; Ngày 23/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xử 04 năm tù tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 10/3/2024; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/11/2024 đến ngày 15/11/2024 chuyển tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa.

2. Lê Trọng Q – Sinh năm 1991; tại Thanh Hóa; Số căn cước công dân: 038091016668; Nơi đăng ký NKTT và nơi ở: Tổ dân phố 2, phường Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Trọng A (đã chết) và bà Trần Thị T, Vợ: Lê Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/10/2021,

Công an thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi “Mua bán số lô, số đề”;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/11/2024 đến ngày 15/11/2024 chuyển tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 05/11/2024 tại ngã tư Phố M, phường Q, thành phố Thanh Hóa. Tổ công tác Công an thành phố Thanh Hóa phát hiện Lê Trọng Q có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu kiểm tra. Quá trình kiểm tra Q lấy từ trong Túi áo bên phải đang mặc 01 gói được bọc bằng băng dính đen kích thước khoảng (1,5 x3) cm bên trong là ống hút nhựa chứa 10 viên nén hình tròn màu đỏ giao nộp cho tổ công tác. Tại chỗ Q khai: 10 viên nén là ma túy hồng phiến của Q cất giấu để sử dụng. Tổ công tác tiến hành đưa Q cùng vật chứng về trụ sở Công an lập biên bản.

Tại Cơ quan CSĐT, Q đầu thú và khai nhận: Do có nhu cầu sử dụng ma Ty nên vào khoảng 16 giờ ngày 05/11/2024, Q dùng số điện thoại 0987.894.123 liên lạc qua zalo với số điện thoại 0877.607.117 của Lê Văn T để hỏi mua 10 viên ma Ty hồng phiến. T đồng ý bán với giá 100.000 đồng/viên, trả tiền trực tiếp và hẹn Q đến bên hông khu vực chùa kênh xã Quảng Hùng, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa để giao dịch. Đến điểm hẹn, Q đưa cho T số tiền 1.000.000 đồng và đi lại vị trí T đặt gói ma Ty hồng phiến nhặt lên rồi đi về đến ngã tư phố Môi, phường Quảng Tâm, thành phố Thanh Hóa thì bị phát hiện thu giữ số ma Ty trên.

Tiến hành triệu tập đối với Lê Văn T, tại Cơ quan CSĐT T đầu thú về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” với Q và giao nộp 1.000.000 đồng tiền bán ma Ty cho Q. Đồng thời giao nộp 03 gói được bọc bên ngoài bằng băng dính đen kích thước khoảng (1,5x3) cm, bên trong là ống hút nhựa chứa 10 viên nén màu đỏ/gói. Quá trình làm việc, T khai nhận: khoảng 17 giờ ngày 04/11/2024, qua mạng xã hội zalo T đã liên hệ hỏi mua 40 viên ma Ty hồng phiến để bán kiếm lời từ một người đàn ông không quen biết. Người này đồng ý bán với giá 70.000 đồng và hẹn giao hàng tại khu vực đường Võ Nguyên Giáp, xã Quảng Minh, thành phố Sầm Sơn để giao dịch. Khi đến điểm hẹn, T gặp một người nam giới không rõ nhân thân, lai lịch. T đưa 2.800.000 đồng cho người này rồi đi đến vị trí để ma Ty do người này chỉ lấy và đi về. Về đến nhà, T chia ma Ty thành 04 gói, mỗi gói bọc bên ngoài bằng băng dính đen, bên trong là ống hút nhựa chứa 10 viên ma Ty để bán với giá 1.000.000 đồng/gói. Khoảng 16 giờ ngày 05/11/2024, T bán cho Q 01 gói với giá 1.000.000 đồng.

Tiến hành test nhanh nước tiểu của Lê Trọng Q và Lê Văn T. Kết quả xác định Lê Văn T và Lê Trọng Q âm tính với ma Ty.

Ngày 06/11/2024, tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà Lê Văn T ở thôn 1 xã Quảng Hùng, thành phố Sầm Sơn nhưng không thu giữ được gì

Tại Bản kết luận giám định số 4289/KL-KTHS ngày 12/11/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- 10 viên nén hình tròn màu đỏ thu giữ của Lê Trọng Q có tổng khối lượng là 0,951 gam là ma Ty loại Methamphetamine.
- 30 viên nén hình tròn màu đỏ và xanh thu giữ của Lê Văn T có tổng khối lượng là 2,891 gam là ma Ty loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, các bị can Lê Văn T và Lê Trọng Q đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, phù hợp với hành vi phạm tội của mình và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 phong bì do phòng KTHS – Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành chứa mẫu ma Ty thu giữ trong vụ án hoàn lại sau giám định; số tiền 1.000.000 đồng tiền T bán ma Ty cho Lê Trọng Q; 01 điện thoại di động VivoY15 bên trong lắp sim số 0987894123 và 0968864119 thu giữ của Lê Trọng Q. và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 bên trong lắp sim số 0877607117 thu giữ của Lê Văn T.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Lê Văn T: do không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 58/CT-VKSTPTH ngày 23/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá đã truy tố Lê Văn T về tội “mua bán trái phép chất ma Ty” theo điểm q khoản 2 Điều 251 BLHS; truy tố Lê Trọng Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS;

Tại phiên tòa đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251 BLHS (đối với bị cáo Lê Văn T) điểm c khoản 1 Điều 249 (đối với bị cáo Lê Trọng Q); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS. Mức hình phạt VKS đề nghị đối với bị cáo Lê Văn T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; Bị cáo Lê Trọng Q từ 18 tháng đến 21 tháng tù.

Ngoài ra VKS còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì với đại diện VKS.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, Lê Văn T đã có hành vi cất giấu 40 viên ma Ty có tổng khối lượng 3.842 gam Methamphetamine với mục đích bán lại kiếm lời. Khoảng 16 giờ ngày 05/11/2024 tại xã Quảng Hùng, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Lê Văn T đã bán 10 viên ma Ty có khối lượng 0,951 gam Methamphetamine cho Lê Trọng Q với giá 1.000.000đồng. Q mua số ma Ty này với mục đích để sử dụng.

Lời khai của nhận của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội nêu trên của Lê Văn T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma Ty” theo điểm q khoản 2 Điều 251 BLHS; hành vi của Lê Trọng Q có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS như cáo trạng của VKSND thành phố Thanh Hóa truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hiện nay, tệ nạn ma Ty đang là hiểm họa cho toàn xã hội, là một trong những nguyên nhân làm suy thoái kinh tế, làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Là một trong những tác nhân gây lây lan căn bệnh HIV/AIDS, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của giống nòi. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma Ty, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma Ty, bị cáo T vì háms lời, mà chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Q chỉ vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà lao vào con đường phạm tội. Vì vậy tính chất vụ án đối với bị cáo T là rất nghiêm trọng, đối với bị cáo Q là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải xử lý nghiêm minh.

Mặc dù số lượng ma Ty bị cáo T mua bán có tổng trọng lượng là 3.842 gam Methamphetamine (dưới 5 gam). Tuy nhiên bị cáo T đã 03 lần bị xét xử, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, đầu thú, bản thân bị cáo T tham gia ủng hộ các hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương (có xác nhận của chính quyền địa phương), nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào nhân thân, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và tính chất của tội phạm ma Ty, cần áp dụng Điều 38 BLHS để cách ly các bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Do các bị cáo không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Toàn bộ số ma Ty còn lại sau giám định trong phong bì niêm phong của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa là vật nhà nước

cầm lưu hành và không có giá trị sử dụng, nên căn cứ Điều 47 BLHS; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng là tiền T bán ma Ty cho Lê Trọng Q. Đây là tiền do phạm tội mà có; 01 điện thoại di động VivoY15 số Imel: 864874059249832 kèm sim, thu giữ của Lê Trọng Q và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6, số Imel: 359480085554476 điện thoại kèm sim, thu giữ của Lê Văn T. Các bị cáo dùng dùng để liên lạc mua bán ma Ty đều là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí HSST quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm q khoản 2 Điều 251 BLHS (đối với bị cáo Lê Văn T) điểm c khoản 1 Điều 249 (đối với bị cáo Lê Trọng Q); Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1, điểm a khoản 2, Điều 106; Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án (đối với cả hai bị cáo)

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma Ty”.

Bị cáo Lê Trọng Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty”

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/11/2024.

Bị cáo Lê Trọng Q 20 (hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/11/2024.

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma Ty đựng trong 01 phong bì niêm phong của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, được đóng dấu của phòng kỹ thuật hình sự, kèm theo chữ ký, chữ viết của Lê Minh Tiến, Trịnh Thị Thu Hương.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone 6, màu vàng, Imel: 359480085554476 thu giữ của Lê Văn T;

01 (một) điện thoại di động Vivo Y51; Imel: 864874059249832, điện thoại kèm sim thu giữ của Lê Trọng Q. Điện thoại bị vỡ kính mặt lưng.

(Cả 02 điện thoại đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy móc bên trong).

Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 1.000.000đồng (Một triệu đồng) đã nộp vào TK 3949 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa tại kho bạc Nhà nước Thanh Hóa.

Hiện số vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 56/THA ngày 24/01/2025 giữa Công an thành phố Thanh Hóa với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Án phí: Bị cáo Lê Văn T và Lê Trọng Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS thành phố Thanh Hóa;
- Công an TPTH;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Quỳnh

Nguyễn Thị Loan Lê Cát Tường

Trương Thị Quỳnh

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

